

TỤC NGỮ VỀ ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG

(1 tiết)

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Hiểu được chức năng cơ bản của thể loại tục ngữ là đúc kết kinh nghiệm sống và đưa ra những bài học ứng xử, những phương châm xử thế ; phản ánh tư tưởng và lối sống của cộng đồng.

– Đồng thời cũng hiểu được rằng tục ngữ có sức sống lâu bền và sức phổ biến rộng rãi không chỉ do tính chân lí (hay được coi là chân lí), mà còn do hình thức lời nói mang tính nghệ thuật của nó.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

Về phương pháp, đối tượng phân tích là các văn bản tục ngữ. Nhưng do tục ngữ được dùng trong lời nói, với tư cách là lời nói, bởi vậy GV giúp HS tập phân tích tục ngữ trong văn cảnh lời nói (tìm những ví dụ ứng dụng tục ngữ trong lời nói).

Để đạt được mục tiêu nói trên, có hai nội dung cần lưu ý :

1. Thứ nhất là về khái niệm *kinh nghiệm*. Từ điển *Hán Việt* của Đào Duy Anh định nghĩa kinh nghiệm là "điều mình đã nghiệm qua, điều mình từng nghe thấy". *Đại từ điển tiếng Việt* (Nguyễn Như Ý chủ biên) định nghĩa kinh nghiệm là "điều hiểu biết có thể áp dụng hữu hiệu cho cuộc sống, có được nhờ sự tiếp xúc, từng trải với thực tế". Như vậy, kinh nghiệm hiểu theo nghĩa hẹp là sự kiểm nghiệm tri thức của chúng ta bằng sự quan sát hiện thực xung quanh hoặc bằng thực nghiệm trong phòng thí nghiệm. Còn hiểu theo nghĩa rộng, thì kinh nghiệm là toàn bộ thực tiễn xã hội của con người. Theo nghĩa này, kinh nghiệm là cơ sở của nhận thức, đồng thời cũng là tiêu chuẩn của nhận thức.

Câu hỏi 2 trong phần *Hướng dẫn học bài* có viết như sau : "Tục ngữ thường có hai lớp nghĩa : nghĩa đen và nghĩa bóng, nghĩa cụ thể và nghĩa khái quát". Nghĩa khái quát của tục ngữ có cơ sở trước hết ở tính khái quát của những nhận định do tục ngữ rút ra được từ sự đúc kết kinh nghiệm, tức là những nhận định bao quát được nhiều đối tượng, nhiều trường hợp. Tính khái quát ấy khiến cho nội dung của tục ngữ được coi như những chân lí và được dùng như những phương châm xử thế, những luận cứ để chứng minh một ý kiến hoặc hành vi nào đó là đúng đắn.

GV có thể lấy một ví dụ tương tự như ví dụ sau đây để làm rõ chức năng ấy của tục ngữ.

Trong tiểu thuyết *Bước đường cùng*, nhà văn Nguyễn Công Hoan có thuật lại một sự kiện như sau : Trước Cách mạng tháng Tám 1945, ở làng An Đạo có xảy ra một vụ kiện bọn lí trưởng và chánh hội hà lạm tiền thuế của dân làng. Khi biết tin có đơn kiện, hai tên này đã đến gặp nhóm người chủ trương thảo đơn kiện, dọa nạt và định hành hung họ để lấp liếm hành động phi pháp của chúng. Song trong vụ xô xát ấy, do phía những người đứng đầu vụ kiện đã có thái độ cứng rắn, nên bọn lí trưởng và chánh hội phải đầu dũa và tạm thời lùi bước. Suy nghĩ về diễn biến của sự việc, Dự (một người trong nhóm đứng đầu vụ kiện) trầm ngâm nói : "Tất họ (tức lí trưởng và chánh hội) đã nghĩ ra cách báo thù ta". Lí Cự (một người khác trong nhóm) đáp : "Không sợ. Ở làng hễ *mềm* thì họ *nấn*, mà *rắn* thì họ *buông*. Ban nãy họ thấy mình đứng sát lại để bênh nhau, họ phải sợ". Pha (một người đã kí vào đơn kiện) gật đầu nói : "Phải, nếu không, họ đã trối nổi tôi rồi"⁽¹⁾.

Trong đoạn đối thoại giữa ba nhân vật trên đây, vấn đề được đưa ra trao đổi, bàn bạc, tranh luận là "liệu lí trưởng và chánh hội có nghĩ cách báo thù họ không?". Ý kiến của Lí Cự và Pha là : không ! Lập luận của Lí Cự dựa vào nhận định có tính chân lí của tục ngữ "Mềm nắn, rắn buông". Chân lí ấy đã được thực tiễn (sự việc vừa xảy ra) chứng minh, đã được kiểm nghiệm trong thực tiễn (Lí Cự nói : "Ban nãy họ thấy mình đứng sát lại để bênh nhau, họ phải sợ". Pha *xác nhận* thêm : "Phải, nếu không, họ đã trối nổi tôi rồi").

2. Thứ hai là về khái niệm *phán đoán* và việc xác định nghĩa của tục ngữ. Tục ngữ là lời nói mang tính nghệ thuật, có nội dung là những *phán đoán* về các hiện tượng của cuộc sống, đúc kết kinh nghiệm sống, kinh nghiệm lịch sử – xã hội của cộng đồng.

Phán đoán là hình thức phản ánh hiện thực khách quan vào đầu óc, ý thức con người, phản ánh sự hiểu biết của con người về đặc tính và mối quan hệ của các sự vật, hiện tượng. Trong mỗi phán đoán đều bao gồm *đối tượng* phán đoán và lời quyết đoán về đối tượng ấy, tức tư tưởng khẳng định hoặc phủ định về một thuộc tính nào đó của đối tượng.

Phán đoán của tục ngữ được diễn đạt bằng một mệnh đề gồm có chủ đề (đối tượng của phán đoán) và lời bình, lời thuyết minh về chủ đề ấy (lời quyết đoán về đối tượng). Mỗi câu tục ngữ có thể gồm một hoặc hai, ba phán đoán.

(1) Nguyễn Công Hoan, *Bước đường cùng*, NXB Văn học, H., 1969, tr. 150.

Trong phần *Tri thức đọc - hiểu ở SGK*, đã có dẫn ví dụ về chủ đề và lời thuyết minh trong các phán đoán của tục ngữ.

Để xác định nghĩa của một câu tục ngữ, trước hết cần phải xác định xem câu tục ngữ ấy nói về cái gì (chủ đề của phán đoán). Các ví dụ sau đây cho ta ba trường hợp khác nhau về cách xác định chủ đề của tục ngữ.

– Câu tục ngữ "Một giọt máu đào hơn ao nước lã" nói về "giọt máu đào" không phải được hiểu theo nghĩa đen, mà theo *nghĩa bóng* ("máu đào" ở đây chỉ "huyết thống", "mối quan hệ thân tộc", "mối quan hệ giữa những người trong gia đình và dòng họ").

– Câu tục ngữ "Muốn ăn cá cả phải thả câu dài" nói về một ý muốn "muốn ăn cá cả". Ý muốn này vừa được hiểu theo nghĩa cụ thể (muốn câu được con cá lớn) vừa được hiểu theo nghĩa khái quát (muốn thành công lớn).

Trong trường hợp những câu tục ngữ chỉ có một lớp nghĩa : nghĩa đen, nghĩa cụ thể, việc xác định nghĩa của các câu ấy thường không có gì khó khăn. Trường hợp 1 ở trên là một ví dụ. Nhưng vì tục ngữ có xu hướng "tiết kiệm từ ngữ", nên có những trường hợp nghĩa của nó không hiện ra trên bề mặt của câu. Phải từ kinh nghiệm cuộc sống, kinh nghiệm của người bản ngữ mà tìm ra cái nghĩa ấy. Ví dụ câu "Cá cả, lợn lớn" có nghĩa là : cá thì con *cả* (con to) ngon, lợn thì con *lớn* ngon. Câu "Mưa trắng, nắng đen" có nghĩa là : khi đi đường vào ban đêm, nếu trời *mưa* thì phải tránh những chỗ *trắng*, trời *nắng* thì phải tránh những chỗ *đen* vì những chỗ ấy có nước.

Do phần nhiều tục ngữ có hai lớp nghĩa, nên để xác định lớp nghĩa bóng, nghĩa khái quát, cần phân tích các hình thức chuyển nghĩa được dùng trong các câu tục ngữ ấy (như các biện pháp *so sánh, ẩn dụ, hoán dụ, phóng dụ, chơi chữ*,...). Trường hợp 2 và 3 ở trên cũng yêu cầu phân tích như thế.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phân mở đầu

Để HS "Hiểu được nội dung cơ bản của tục ngữ là sự đúc kết kinh nghiệm, phản ánh tư tưởng và lối sống của cộng đồng" (trọng tâm 1 của bài học), một trong những phần việc của GV là hướng dẫn HS cách phân tích để tìm ra nghĩa của tục ngữ. Trình tự các câu hỏi hướng dẫn học bài mà HS lần lượt thực hiện chính là trình tự các thao tác của cách phân tích. Để HS sử dụng được một cách chủ động các thao tác phân tích ấy, trước tiên GV nên dành khoảng 15 phút để giảng một số khái niệm như đã trình bày ở phần *Những điểm cần lưu ý*.

2. Phần tổ chức dạy học

Phần Hướng dẫn học bài trong SGK gồm có năm câu hỏi và hai Bài tập nâng cao. Các Câu hỏi 1, 2, 3, 4 nhằm vào trọng tâm 1 của bài học. Câu hỏi 5 nhằm vào trọng tâm 2.

Câu hỏi 1, 2 yêu cầu HS thực hiện việc xác định nghĩa của các câu tục ngữ. Bài học không yêu cầu HS giải thích nghĩa của tất cả 12 câu, mà chỉ chọn một số câu để HS tập áp dụng cách phân tích theo trình tự các thao tác từ điểm đến diện : Ở Câu hỏi 1, HS thực hiện thao tác phân tích nghĩa của các cụm từ, làm cơ sở cho việc thực hiện thao tác của Câu hỏi 2 là phân tích nghĩa của câu. Khi đã xác định được nghĩa của câu, HS sẽ có cơ sở để tiếp tục thực hiện thao tác thứ ba ở Câu hỏi 3 là xác định chủ đề của câu tục ngữ và tập hợp các chủ đề thành nhóm. Ở Câu hỏi 4, HS thực hiện thao tác thứ tư là khái quát các chủ đề và nội dung tư tưởng của các chủ đề để nhận ra tục ngữ đã nói gì về đạo đức và lối sống của con người Việt Nam.

Sau đây là một số gợi ý mà GV có thể tham khảo để hướng dẫn HS thực hiện bốn câu hỏi (bốn thao tác) ấy.

Câu hỏi 1. Nghĩa của các cụm từ

– Trong câu "Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ", *hàm nhai* chỉ động tác của miệng khi ăn, ở đây hiểu theo nghĩa : "có cái ăn" ; "miệng trễ" (*trễ* = bị sa xuống), ở đây hiểu theo nghĩa : "không có cái ăn". Hình ảnh cái miệng trễ xuống là một hình ảnh được nhấn mạnh, đối lập với hình ảnh cái miệng đang nhai.

– Trong câu "Một giọt máu đào hơn ao nước lã", *máu đào* (*đào* = đỏ) chỉ quan hệ giữa những người cùng huyết thống, cùng *dòng máu* (gia đình, dòng họ). "Nước lã" (nước không có mùi vị, màu sắc gì) chỉ quan hệ thờ ơ, hờ hững, lạnh nhạt giữa những người không có liên can gì với nhau ("Nhạt như nước lã ao bèo" – không mặn mà, đậm thắm, thái độ thờ ơ lạnh nhạt), ở đây chỉ cụ thể quan hệ giữa những người không cùng huyết thống. "Một giọt" và "(một) ao" chỉ sự so sánh ngược chiều giữa chất và lượng : quan hệ giữa những người không cùng huyết thống dù có nhiều như thế nào chăng nữa (cả một ao nước lã) cũng không đậm thắm được như quan hệ giữa những người cùng huyết thống dù chỉ là một quan hệ họ hàng xa (chỉ *một giọt* máu đào).

– Trong câu "Nói hay hơn hay nói", hai từ *hay* trong hai vế được dùng như những từ đồng âm khác nghĩa. Trong "nói hay", *hay* có nghĩa là hấp dẫn, có tác dụng gây cảm hứng, sự thích thú (từ trái nghĩa của *hay* là *dở*). Trong "hay nói", *hay* có nghĩa là luôn luôn, thường xuyên, *hay nói* là nói nhiều. Như vậy, hai từ *hay*

được dùng như những từ đồng âm khác nghĩa, ngầm chỉ một sự so sánh ngược chiều giữa chất và lượng.

– Trong câu "Xởi lởi trời cời cho, so đo trời co lại", *trời* được người bình dân ngày xưa hiểu là một sức mạnh siêu nhiên quyết định mọi thành bại của con người. Các tác giả dân gian thường dùng khái niệm này để diễn đạt những gì đến với họ như một quy luật tất yếu, tự nhiên. Vì thế, câu tục ngữ có thể hiểu hoặc là : người nào rộng rãi (*xởi lởi*) thì gặp nhiều may mắn, người nào hà tiện, hay tính toán cá nhân (*so đo*) thì gặp nhiều khó khăn, trắc trở ; hoặc là người rộng rãi sẽ được đối xử lại cũng rộng rãi, và ngược lại. Tham khảo thêm một câu tục ngữ khác có nội dung tương tự : "Xởi lởi trời gửi của cho, so đo trời co của lại".

Câu hỏi 2. GV có thể tham khảo bảng tóm tắt sau đây để hướng dẫn HS trả lời câu hỏi :

STT	Tục ngữ	Nghĩa đen – nghĩa cụ thể	Nghĩa bóng – nghĩa khái quát
1	<i>Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ</i>	Có bỏ <i>sức lao động</i> ra thì mới có <i>cái ăn</i>	Có <i>làm</i> mới có <i>ăn</i> , có <i>công lao</i> mới có <i>hưởng thụ</i> (quan hệ giữa công lao và hưởng thụ)
2	<i>Muốn ăn cá cả phải thả câu dài</i>	Kinh nghiệm câu cá	Muốn <i>thành công lớn</i> phải <i>dụng công nhiều</i> (quan hệ giữa công lao và hưởng thụ)
3	<i>Kiến tha lâu cũng có ngày đầy tổ</i>	Hiện tượng kiến tha mồi	Nhiều cái nhỏ dồn góp lại sẽ thành cái lớn. Kiên nhẫn, siêng năng sẽ đạt được mục đích
4	<i>Một giọt máu đào hơn ao nước lã</i>	Hình ảnh dùng làm ẩn dụ (nghĩa đen giả định)	Có quan hệ cùng huyết thống, dù rất xa (họ hàng xa) cũng quý hơn là người ngoài
...			
10	<i>Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ</i>	Hình ảnh dùng làm ẩn dụ (nghĩa đen giả định, song có thể hiện tượng này là có thực)	Một người trong cộng đồng gặp tai họa, cả tập thể cùng chia sẻ

Câu hỏi 3 và 4. GV có thể tham khảo bảng tóm tắt *tổng hợp* sau đây để hướng dẫn HS trả lời :

STT	Tục ngữ	Chủ đề	Nhóm chủ đề	Nội dung đạo đức - lối sống
1	<i>Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ</i>	Làm – ăn	Lao động	Đề cao giá trị của lao động và tính siêng năng – kiên nhẫn
2	<i>Muốn ăn cá cả phải thả câu dài</i>	Công lao – hưởng thụ	–	–
3	<i>Kiến tha lâu cũng có ngày đầy tổ</i>	Việc làm – kết quả	–	–
4	<i>Một giọt máu đào hơn ao nước lã</i>	Quan hệ huyết thống	Quan hệ gia đình, họ hàng và làng xóm	Đề cao quan hệ cộng đồng (gia đình, họ hàng, làng xóm) và tình cảm gia đình, làng xóm
5	<i>Tình thương quán cũng là nhà, lều tranh có nghĩa hơn toà ngói cao</i>	Quan hệ vợ chồng	–	–
6	<i>Thuận vợ thuận chồng, tát bể Đông cũng cạn</i>	Quan hệ vợ chồng	–	–
7	<i>Nói hay hơn hay nói</i>	Lời nói	Bề ngoài – thực chất	Coi trọng thực chất hơn bề ngoài
8	<i>Tốt danh hơn lành áo</i>	Tốt – xấu	–	–
9	<i>Yêu trẻ, trẻ đến nhà ; yêu già, già để phúc</i>	Già – trẻ	Tình thương	Đề cao tình thương
10	<i>Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ</i>	Cá nhân – cộng đồng	Cá nhân – cộng đồng	Đề cao cộng đồng và tình cảm cộng đồng
...				
12	<i>Xởi lời trời cõi cho, so đo trời co lại</i>	Ích kỉ – vị tha	Ứng xử đạo đức	Đề cao lòng vị tha

Nhận xét chung : Trong nội dung đạo đức và lối sống của con người Việt Nam, có những truyền thống sau đây :

- Coi trọng lao động và các đức tính bền bỉ, siêng năng trong lao động.
- Coi trọng cộng đồng nói chung và các cộng đồng gia đình, họ hàng, làng xóm nói riêng.
- Đề cao tình nghĩa, tình thương, lòng vị tha.
- Coi trọng thực chất hơn bề ngoài.

Câu hỏi 5. Phân tích đặc điểm nghệ thuật của các câu tục ngữ số 2 và 4.

Câu số 2 : *Muốn ăn cá cả phải thả câu dài.*

Câu số 4 : *Một giọt máu đào hơn ao nước lã.*

Như câu hỏi đã gợi ý, GV hướng dẫn HS tập trung vào ba biện pháp nghệ thuật chính.

a) Nghệ thuật tạo các hình thức đối xứng : Trong các ví dụ trên, có thể nêu lên hai loại đối xứng :

- Đối xứng giữa các vế :

+ Câu số 2 và số 4, mỗi câu đều có hai mệnh đề diễn đạt hai thành phần của phán đoán, tạo thành hai vế có số từ bằng nhau.

Các yếu tố tạo nên các hình thức đối xứng rất phong phú, đa dạng. Ngoài yếu tố đối xứng về số từ, còn có các yếu tố đối xứng về nghĩa của từ : *cá cả - câu dài* (câu 2), *máu đào - nước lã* (câu 4). Các yếu tố đối xứng về thanh điệu : *cả - dài* (câu 2), *đào - lã* (câu 4).

b) Nghệ thuật hiệp vần : Phần lớn là *vần lưng*, ở những vị trí hoặc liền nhau (vần liền) hoặc cách nhau (vần cách) một từ, hai từ,... : "Muốn ăn cá *cả* phải *thả* câu dài " (cách một từ) ; "Thuận vợ thuận *chồng*, tát bể *Đông* cũng cạn" (cách hai từ) ; "Tình thương quán cũng là *nhà*, lều tranh có nghĩa hơn *toà* ngôi cao" (cách năm từ).

c) Nghệ thuật sử dụng các biện pháp tu từ : Tục ngữ sử dụng rất phổ biến các biện pháp so sánh, ẩn dụ, hoán dụ, phóng dụ,... Các biện pháp tu từ ấy được xây dựng bằng sự liên tưởng trên cơ sở các mối quan hệ tương đồng giữa các sự vật, hiện tượng. GV hướng dẫn HS phân tích các hình tượng *giọt máu đào, ao nước lã, ăn cá cả, thả câu dài*,... để thấy tác dụng của các hình tượng ấy là làm cho những tư tưởng trừu tượng, những khái quát về cuộc sống không khô khan, cứng nhắc mà gắn chặt với hiện thực muôn màu muôn vẻ.

3. Phân củng cố

Tục ngữ điển đạt nội dung tư tưởng – triết lí dân gian bằng hình thức lời nói có tính nghệ thuật. Phân tích tục ngữ phải đi từng bước từ việc xác định nghĩa của từng câu tục ngữ đến việc xác định chủ đề của từng nhóm đề tài thể hiện những tư tưởng – triết lí ấy. Những nội dung tư tưởng – triết lí ấy khái quát hoá những kinh nghiệm sống, kinh nghiệm lịch sử – xã hội của cộng đồng, do đó tục ngữ đã được sử dụng như là những phương châm xử thế, những căn cứ để chọn lựa, xác định một cách ứng xử hoặc chứng minh tính đúng đắn của cách ứng xử ấy.

IV – HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BÀI TẬP NÂNG CAO

GV hướng dẫn HS làm hai bài tập nâng cao này ở nhà. Có thể làm cả hai bài, có thể chọn một trong hai bài. GV chọn một, hai bài làm hay, giới thiệu (có nhận xét) cho cả lớp.

Câu hỏi 1

Làm bài tập nâng cao này, HS tiếp tục tập ứng dụng các thao tác phân tích tục ngữ như GV đã hướng dẫn và HS đã thực hiện đối với nội dung bài học ở trên, nhưng ở đây là theo hướng tập trung vào một chủ đề. Để có tài liệu bổ sung thêm các kết quả sưu tầm của HS, GV có thể tham khảo sách *Tục ngữ Việt Nam*⁽¹⁾. Riêng về cặp chủ đề đẹp – xấu, tốt – xấu, có thể tham khảo các câu tục ngữ sau đây :

1. *Xấu tốt bác mẹ sinh ra, có phải cây cối đâu mà bốn phân.*
2. *Tốt gỗ hơn tốt nước sơn, xấu người đẹp nét còn hơn đẹp người.*
3. *Cái nét đánh chết cái đẹp.*
4. *Yêu vì nét, chẳng chết vì người.*
5. *Người chết, nét còn.*
6. *Tốt danh hơn lành áo.*
7. *Bần thanh hơn phú trọc.*
8. *Đói cho sạch, rách cho thơm.*
9. *Chết trong còn hơn sống đục.*
10. *Hay không lây hèn, sen không lây bùn.*
11. *Cát bay vàng lại ra vàng.*

(1) Chu Xuân Diên – Lương Văn Đăng – Phương Tri (biên soạn), in lần thứ ba, NXB Khoa học xã hội, H., 1998.

12. *Nổi đồng đánh gio (tro) lại sáng.*
13. *Đẹp chẳng mài mà uống.*
14. *Đẹp chẳng độn dàng mà đi.*
15. *Đừng ham nón tốt dột mưa, đừng ham người đẹp mà thua việc làm.*
16. *Dù đẹp tám vạn nghìn tư, mà chẳng có nét cũng hư một đời.*
17. *Ngọc lành hay có vết.*
18. *Ngựa khôn hay có chứng.*
19. *Xấu hay làm tốt, dốt hay nói chữ.*
20. *Tốt đẹp phô ra, xấu xa đậy lại.*
21. *Xấu như ma, vinh hoa cũng đẹp.*
22. *Điều lành thì nhớ, điều dở thì quên.*
23. *Đất lành chim đỗ, đất ngỗ chim bay.*

Câu hỏi 2

HS làm bài này để tập nghiên cứu các hình thức sử dụng tục ngữ trong lời nói và trong tác phẩm văn học. Nguyễn Trãi là một nhà thơ lớn, một nhà tư tưởng lớn của Việt Nam thế kỉ XV. Thơ ông có nhiều bài mang nội dung triết lí sâu sắc, phản ánh kinh nghiệm và suy nghĩ về những điều mà ông đã trải qua và chứng kiến trong xã hội nhiều tai biến đương thời. Tính nhân dân của thơ Nguyễn Trãi thể hiện ở sự quan tâm khai thác kho tục ngữ dân gian, đúc kết trí tuệ của nhân dân lao động. Ông đã từng tiếp thu nội dung tình cảm và các chân lí truyền miệng trong ca dao, tục ngữ để sáng tác các bài thơ tự thuật và hoài niệm cá nhân. Bài *Bảo kính cảnh giới* (Gương báu khuyên răn), số 21 là một ví dụ.

Để làm bài này, HS thực hiện các việc sau đây :

- a) Đối chiếu các câu thơ với các câu tục ngữ dân gian.
- b) Xác định nghĩa các câu tục ngữ dân gian.
- c) Phân tích (bằng phương pháp so sánh, đối chiếu) cách Nguyễn Trãi đã sử dụng các yếu tố nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật của các câu tục ngữ dân gian để diễn đạt nội dung tư tưởng và cấu tạo nên ngôn ngữ nghệ thuật của bài thơ.

Gợi ý :

- a) Bảng so sánh, đối chiếu :

Bảo kính cảnh giới, số 21

Ở bầu thì dáng ắt nên tròn
Xấu tốt đều thì rập khuôn
Lân cận nhà giàu no bữa cám
Bạn bè kẻ trộm phải no đòn
Chơi cùng đứa dại nên bậy dại
Kết mấy người khôn học nét khôn
Ở đấng thấp thì nên đấng thấp
Đen gần mực đỏ gần son.

Tục ngữ dân gian

– Ở bầu thì tròn ở ống thì dài.
– Xấu tốt rập khuôn.
– Gân nhà giàu đau răng ăn cám, gân kẻ trộm ốm lưng chịu đòn.
– Gân mực thì đen gân đèn thì rạng.

b) Về câu tục ngữ "Gân nhà giàu đau răng ăn cám, gân kẻ trộm ốm lưng chịu đòn". Trong sách *Từ điển thành ngữ tục ngữ* do Nguyễn Lâm biên soạn, "ăn cám" được ghi là "ăn cốm". Soạn giả giải thích nghĩa của câu tục ngữ này đại ý như sau : Phải chọn nơi có lán giềng tốt mà ở và ghi chú thêm : "nhưng trong thực tế, không phải cứ nhà giàu là lán giềng tốt đâu, thường thì trái lại". Sách *Từ điển thành ngữ tục ngữ* của nhóm biên soạn Vũ Dung, Vũ Thuý Anh, Vũ Quang Hào giải thích nghĩa của vế "Gân nhà giàu đau răng ăn cốm" như sau : "Gân nhà giàu hay gặp những chuyện bực mình (như người đau răng mà phải ăn cốm)". Sách *Nguyễn Trãi toàn tập* do Văn Tân, Đào Duy Anh, Trần Văn Giáp dịch, phiên âm và chú thích viết như sau về vế tục ngữ trên : "Chữ đau răng ăn cốm là đúng chữ của câu tục ngữ. Nhưng ở gân nhà giàu mà được ăn cốm nhiều thế cũng lạ. Chúng tôi cho rằng chính là chữ *cám* nói chệch đi cho hợp với vãn "trộm" ở câu dưới mà thành *cốm*... và câu thơ này chữ thứ bảy phải phiên là *cám*, mà ở gân nhà giàu được no bữa *cám* thì nghĩa mới thông". Chúng tôi ngả theo cách giải thích của các soạn giả sách *Nguyễn Trãi toàn tập* và chọn dị bản : "Ở gân nhà giàu đau răng ăn *cám*". Tục ngữ còn có câu : "Gân nhà có giỗ, không được ăn cỗ cũng được liếm lá", nội dung là lời mỉa mai của những người ở bên cạnh nhà giàu.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chu Xuân Diên – Lương Văn Đang – Phương Tri (biên soạn), *Tục ngữ Việt Nam*, Sđd.
- Nguyễn Lâm (biên soạn), *Từ điển thành ngữ tục ngữ*, NXB Văn hoá, H., 1989.
- Hoàng Văn Hành (Chủ biên), *Kể chuyện thành ngữ tục ngữ*, NXB Khoa học xã hội, H., 2002.